

NHỮNG ĐỔI MỚI CỦA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VINH PHÚ SAU HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI 6

TRƯƠNG TRUNG

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, hoạt động khoa học và kỹ thuật Vinh Phú đã đổi mới từ tổ chức quản lý đến thực tiễn hoạt động. Hoạt động khoa học và kỹ thuật đã xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn sản xuất, như vậy đã thúc đẩy sản xuất của Tỉnh phát triển.

Cách làm mới đã có tác dụng thiết thực song cần đổi mới hơn nữa đề khoa học và kỹ thuật thực sự là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

SAU đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, tỉnh Vinh Phú đã nhận thức được rằng việc đổi mới hoạt động khoa học và kỹ thuật của Tỉnh là một đòi hỏi cấp bách, những đổi mới được thể hiện trên những điểm chủ yếu sau:

1. *Khoa học và kỹ thuật đã xuất phát từ yêu cầu thiết yếu của sản xuất và đời sống:* đã tập trung cao độ mọi lực lượng nhằm phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn của tỉnh.

— Phục vụ chương trình lương thực và thực phẩm, hoạt động khoa học và kỹ thuật đã tập trung vào 6 chương trình và đề tài.

Đã kết luận và khẳng định được một bộ giống phù hợp với đặc thù một tỉnh Trung du. Đặc biệt đã chú ý sử dụng bộ giống mùa sớm (CR203, X, và CN, diện tích gieo trồng các cây này từ 17 000 ha năm 1985 lên 22 000 ha năm 1986 và 33 000 ha năm 1988). Đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính ăn chắc góp phần đưa sản lượng lương thực của tỉnh vượt qua cửa ải 40 vạn tấn, trong đó tỷ lệ mau từ 20% năm 1986 lên 26% năm 1988. Đáng chú ý là ngô vụ đông đã giành thắng lợi rất khả quan, diện tích từ 4953 ha năm 1986 lên 12 758 ha năm 1988 (tăng 2,5 lần). Trong đó 80% diện tích được trồng giống ngô cho năng suất cao như MSB₁₁, MSB₁₉, DT₆. Năm 1988 sản lượng ngô đã đạt tới 36 000 tấn đây là sản lượng ngô cao chưa từng có, thắng lợi quan trọng nữa là thân cây ngô đông đã góp phần duy trì và phát triển đàn trâu bò qua đông đồng thời mở rộng nghề dệt thảm bẹ ngô xuất khẩu.

Trên 50% đàn lợn được sử dụng bằng giống lai, trọng lượng lợn xuất chuồng từ 45kg (trước 1986) lên trên 65kg năm 1988, có nhiều địa

phương tỷ lệ xuất chuồng đạt từ 85 đến 100kg.

— Phục vụ chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, Tỉnh đã có 5 chương trình và đề tài theo hai hướng tận dụng nguyên vật sẵn có của địa phương:

— Chế biến hàng nông sản: tập trung vào 5 cây: chè, sơn, sắn, mía, cây lâm nghiệp.

— Khai thác chế biến khoáng sản phi kim loại: cao lanh, tan, mĩ ca v.v...

Hai năm qua đã hoàn thiện về chất lượng và tạo ra 117 sản phẩm mới, trong đó 38 sản phẩm công nghiệp và 79 sản phẩm tiểu công nghiệp. Một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao chiếm tỷ trọng lớn như: phen nhôm cho công nghiệp giấy (5 500 tấn, sản lượng cao nhất nước), sa mốt, cao lanh lọc cho giấy (trên 1 000 tấn), mĩ ca các loại, bột nhẹ, magiê, oxyt, magiê sulfat, bột tan A, bột tan tá được... xi măng, phân lân, cồn 96°... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

2. *Đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng liên kết trực tiếp với cơ sở sản xuất, chuyển một bộ phận sang hạch toán kinh doanh.*

12 trên 16 chương trình khoa học và kỹ thuật trọng điểm của tỉnh đã thực hiện việc liên kết giữa khoa học và sản xuất bằng hợp đồng kinh tế theo quyết định 134 của Hội đồng Bộ trưởng và quyết định 200 về chính sách khoa học và kỹ thuật địa phương. Các hợp đồng đã được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả rõ rệt và đều thanh quyết toán sòng phẳng.

* Các cơ sở khoa học và kỹ thuật sự nghiệp trong khối nông nghiệp đều chuyển sang hạch toán kinh doanh, như Chi cục bảo vệ thực vật trung tâm giống cây trồng, các cơ sở chăn nuôi

thú y v.v... trong đó có 2 cơ sở đạt hiệu quả cao là Chi cục bảo vệ thực vật, năm 1987, ngoài việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, đã bắt đầu có lãi 1,4 triệu đồng, nộp ngân sách 2,4 triệu năm 1988 đã có 500 triệu đồng trên vốn hợp đồng bảo vệ thực vật trên 14.000ha, lãi 8 triệu đồng và nộp ngân sách tỉnh là 10 triệu đồng.

Trung tâm giống cây trồng của tỉnh đã tổ chức ký hợp đồng nghiên cứu và cung cấp giống nguyên chủng, cấp 1 cho cơ sở hợp tác xã với số lượng 1.000 tấn trong đó có 50 tấn nguyên chủng, 280 tấn giống cấp 1 đã khảo nghiệm năm 198 làm tăng năng suất 15 — 25% so với giống cũ, hiệu quả đem lại cho Trung tâm là đã bù đắp được chi phí cả về lương mà trước đây phải dựa vào ngân sách của tỉnh, Ban khoa học và kỹ thuật cũng đã chuyển dần theo hướng hạch toán kinh doanh ở 2 bộ phận:

— Chi cục tiêu chuẩn — đo lường — chất lượng chuyển sang hướng lấy thu bù chi từ năm 1987. Năm 1987 đã tự túc được một phần lương và công tác phí, năm 1989 mức khoán thu bình quân là 70.000 đồng một tháng.

— Phòng triển khai kỹ thuật nay chuyển sang Trung tâm dịch vụ và triển khai khoa học và kỹ thuật đã thực hiện hạch toán kinh doanh (có tài khoản riêng) từ năm 1983 riêng năm 1988 đã tổ chức hợp đồng triển khai khoa học và kỹ thuật với cơ sở sản xuất. Đã làm dịch vụ về vật tư kỹ thuật, đem lại hiệu quả cho Ban hàng triệu đồng, góp phần khắc phục khó khăn về đời sống cán bộ nhân viên của Ban.

3. Đổi mới quan hệ liên kết với các cơ quan khoa học và kỹ thuật Trung ương và địa phương.

Từ 2 năm 1987 và 1988) Vĩnh Phú đã thực hiện liên kết với gần 100 nhà khoa học, nghệ nhân, công nhân bậc cao với 26 cơ quan khoa học và kỹ thuật Trung ương. Hầu hết đều thực hiện bằng các hợp đồng kinh tế trên cơ sở thỏa thuận giữa cơ sở sản xuất và nhà khoa học, không hạn chế mức thu nhập mà tính bằng hiệu quả làm ra. Đặc biệt có một số chương trình được tiến hành đồng bộ của một số cơ quan khoa học và kỹ thuật trên cùng một địa bàn, tiêu biểu là mô hình liên kết giữa Trung tâm tưới tiêu đồng bằng Bắc Bộ với Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện cây lương thực trên địa bàn huyện Vĩnh Lạc.

Thực hiện việc áp dụng kỹ thuật tiến bộ máy bơm trục đứng 250mm³/h theo sơ đồ tưới tiêu nội đồng, tưới tiêu theo khoa học kết hợp với việc đưa giống lúa, giống màu mới có năng suất cao. Kết quả là 1.000ha lúa màu được chuyển từ 2 lên 3 vụ, 400 ha ruộng sâu trũng từ một

vụ thành 2 vụ ăn chắc, có nơi 3 vụ, sản lượng lương thực tăng rất rõ.

Riêng hợp tác xã Thượng Trung (Vĩnh Lạc) đòi ra trên 100 tấn lương thực 1 năm; hợp tác xã Thụy Văn (Việt Trì) đòi ra trên 100 tấn lương thực. Cơ cấu cây trồng chuyển theo hướng tiến bộ.

Chương trình canh tác đồi rừng theo hướng nông lâm kết hợp (52 Đ và 04 - 02) với sự tham gia của Bộ lâm nghiệp, Trung tâm tài nguyên môi trường — Trường đại học tổng hợp với các cơ quan khoa học và kỹ thuật địa phương. Đã tổng kết và phát hiện nhiều mô hình sinh thái tối ưu (mô hình sinh thái 4 tầng ở Văn Hùng, Lập Thạch, Yên Sơn: mô hình hồ đập, trên đồi với sinh thái nhiều tầng điển hình là nông trường Văn Hùng trồng xen mỡ và cốt khí. Trên 50 ha chè năng suất chè búp đạt 53 tạ đến 56 tạ/ha. Trồng xen 700 cây mỡ cốt khí đã cho 18 tấn thân lá xanh/ha. Ở hợp tác xã Đồng Xuân, Võ Lao, Ka Đình,...) mô hình thâm canh rừng tổng hợp.

Các mô hình trên được trong và ngoài nước đánh giá cao và đã đạt huy chương vàng và huy chương bạc tại hội chợ triển lãm kinh tế kỹ thuật, được nông dân chấp nhận. Mô hình này ngày càng được mở rộng. Từ 77,7 ha năm 1984 đến năm 1990 sẽ mở ra trên 1300 ha ở nhiều huyện trong tỉnh.

4. Đổi mới công tác quản lý tài chính cho hoạt động khoa học và kỹ thuật

Trong 2 năm 1987 và 1988 tỉnh Vĩnh Phú đã chuyển từ phương thức đầu tư có tính chất cho không và các đề tài vụn vặt tản mạn sang hình thức đầu tư vào các chương trình trọng điểm mà phương châm cơ sở bỏ vốn tự có là chủ yếu; ngân sách Nhà nước chỉ là hỗ trợ.

Cụ thể năm 1988 thực hiện 12 chương trình với tổng số vốn đầu tư cho khoa học và kỹ thuật là 264.321.000 đồng thì cơ sở sản xuất chi bằng vốn tự có là 224.429.000 đồng còn ngân sách Nhà nước chỉ cấp 39 triệu. Điển hình là: Chương trình đầu tư kỹ thuật tiến bộ và cải tiến thiết bị máy bơm, tưới tiêu khoa học kỹ thuật tại hợp tác xã Thượng Trung là 22 triệu 300 ngàn đồng thì hợp tác xã đã bỏ ra tới 22 triệu đồng.

Đề tài nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật tiến bộ nuôi rân độc của hợp tác xã Vĩnh Sơn hết 1,2 triệu, thì hợp tác xã tự bỏ vốn là 900.000 đồng Nhà nước chỉ hỗ trợ 300.000đ. Hình thức trên đã khắc phục tình trạng ỷ lại vào Nhà nước, và hiệu quả đem lại đều tốt. Vốn đầu tư cho khoa học và kỹ thuật từ ngân sách Nhà nước thì Ban khoa học và kỹ thuật trực tiếp quản lý.

5. *Đòi mới hoạt động của bộ máy tổ chức khoa học và kỹ thuật địa phương.*

— Ở tỉnh mạnh dần chuyển một số bộ phận từ sự nghiệp đơn thuần sang hạch toán kinh doanh mở rộng liên kết với các cơ sở sản xuất, tổ chức dịch vụ thiết bị kỹ thuật. Vừa đảm bảo hoàn thành công tác chuyên môn vừa góp phần cải thiện đời sống, giảm bớt khó khăn về kinh tế của cán bộ nhân viên cơ quan.

Đồng thời mở rộng hình thức làm việc tập thể thông qua Hội đồng khoa học và kỹ thuật tỉnh để Hội đồng này thực sự là tư vấn đặc lực của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các ngành đều có Hội đồng khoa học và kỹ thuật và đi vào hoạt động đều.

— Ở huyện: Hoạt động khoa học và kỹ thuật mới có 9 trên 13 huyện thị thành lập được tổ chức chuyên trách quản lý và đã hoạt động. Nhưng hoạt động còn yếu.

Sau hai năm thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ 6 của Đảng hoạt động khoa học và kỹ thuật tỉnh Vĩnh Phú đã có đổi mới, và đã chuyển biến tiến bộ. Song so với yêu cầu và nhiệm vụ vẫn còn nhiều khuyết điểm và tồn tại.

— So với yêu cầu việc chuyển cơ chế hoạt động khoa học và kỹ thuật theo hướng liên kết và hạch toán còn chậm, chưa đồng đều, chưa mạnh.

— Một số ngành và cơ sở chưa mạnh dạn đầu tư cho khoa học và kỹ thuật do vậy trình độ kỹ thuật còn yếu, cơ sở vật chất kỹ thuật không đảm bảo để có năng suất cao, chất lượng tốt (nhất là trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu

công nghiệp) sản phẩm còn thiếu phong phú và đa dạng...

— Cán bộ khoa học và kỹ thuật của tỉnh khá đông, nhưng trong hoạt động hiệu quả đem lại chưa tương xứng. Cán bộ chưa thích xuống cơ sở sản xuất, chưa muốn đi miền núi vì chính sách chưa rõ ràng.

Đề công tác quản lý và hoạt động khoa học và kỹ thuật thực sự có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển trên địa bàn tỉnh, chúng tôi đề nghị:

1. Tỉnh Vĩnh Phú rất cần hợp tác khoa học và kỹ thuật với các cơ quan nghiên cứu khoa học và kỹ thuật của Trung ương và các cơ sở kinh tế kỹ thuật các tỉnh khác, trong việc khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên của tỉnh: đồi rừng, khoáng sản phi kim loại, bột tan, cao lanh, phen pát, mĩ ca, than bùn v.v... đồng thời đề nghị Nhà nước tạo điều kiện cho Tỉnh hợp tác khoa học và kỹ thuật — kinh tế với nước ngoài.

2. Các cơ quan thông tin khoa học kỹ thuật và kinh tế tăng cường lượng thông tin cho tỉnh và nhận các thông tin phản hồi từ cơ sở địa phương đề xử lý.

3. Các cơ quan quản lý hữu quan tạo điều kiện cho Vĩnh Phú được tham gia là thành viên của các chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật: Sinh thái và bảo vệ môi trường, chương trình kế hoạch dân số và chương trình phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông hồng.

Biên tập Nghiêm Phú Ninh

Những đòi mới...

(Tiếp theo trang 4)

Cần khắc phục sự phân tán về phương hướng hành động của các bộ phận trong cơ quan. Thời gian tới, Ủy ban KHKT Nhà nước sẽ tổ chức rút kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của Trung tâm ứng dụng và dịch vụ KHKT của các địa phương. Ở đây cần nhấn mạnh lại chức năng cầu nối giữa khoa học và sản xuất của Trung tâm này. Đây là Trung tâm của một cơ quan quản lý tổng hợp, tuy có thể làm một số việc mang tính chuyên ngành trong điều kiện hiện nay (khi các trung tâm chuyên ngành chưa làm được), nhưng về cơ bản phải được hoạt động tập trung trong những phương hướng của kế hoạch KHKT và

kinh tế — xã hội của địa phương đặt ra và phải ưu tiên lực lượng cho các hướng này. Sớm khắc phục tình trạng Trung tâm hoạt động như một tổ chức kinh tế độc lập thoát ly khỏi sự quản lý chung về phương hướng hành động của Ủy ban KHKT địa phương.

Ở các tỉnh mới tách ra, đặc biệt là Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, càng cần phải nhận thức đúng đắn về chức năng nhiệm vụ của cơ quan KHKT, trên cơ sở đó triển khai về tổ chức và cán bộ.

P.V.